TÒA ÁN NHÂN DÂN **KHU VỰC 12 - THANH HÓA**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do – Hạnh phúc**
Số: 03/2025/QĐST-HNGĐ	*Thanh Hóa, ngày 04 tháng 7 năm 2025*

QUYẾT ĐỊNH CÔNG NHẬNTHUẬN TÌNH LY HÔN VÀ SỰ THỎA THUẬN CỦA CÁC ĐƯƠNG SỰ

Căn cứ hồ sơ vụ án dân sự thụ lý số 118/2025/TLST-HNGĐ, ngày 02 tháng 6 năm 2025, giữa:

- *Nguyên đơn:* Chị Bùi Thị Â, sinh năm 1993; Địa chỉ: Thôn A, xã C, huyện C, tỉnh Thanh Hóa. (Nay là Thôn A, xã C, tỉnh Thanh Hóa).

- *Bị đơn*: Anh Trần Đình Q, sinh năm: 1987; Địa chỉ: Thôn E, xã C, huyện C, tỉnh Thanh Hóa. (Nay là thôn E, xã C, tỉnh Thanh Hóa).

Căn cứ Điều 212; 213 và khoản 3, khoản 4 Điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015;

Căn cứ vào các Điều 51; 55; 57; 58; 81; 82; 83 và Điều 84 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014;

Căn cứ khoản 7 Điều 26; điểm a khoản 5, điểm b khoản 6 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14, ngày 30/12/2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Toà án của Uỷ ban Thường vụ Quốc hội.

Căn cứ biên bản ghi nhận sự thuận tình ly hôn và hoà giải thành của các đương sự ngày 26 tháng 6 năm 2025.

XÉT THẤY:

Việc thuận tình ly hôn và sự thỏa thuận của các đương sự được ghi trong biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hoà giải thành ngày 26 tháng 6 năm 2025 là hoàn toàn tự nguyện và không vi phạm điều cấm của luật, không trái đạo đức xã hội.

Đã hết thời hạn 07 ngày, kể từ ngày lập biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hoà giải thành, không có đương sự nào thay đổi ý kiến về sự thoả thuận đó.

QUYẾT ĐỊNH:

1. Công nhận thuận tình ly hôn giữa chị Bùi Thị Â và anh Trần Đình Q.

2. Công nhận sự thoả thuận của các đương sự cụ thể như sau:

- Về hôn nhân: Chị Bùi Thị Â và anh Trần Đình Q thỏa thuận thuận tình ly hôn.

- Về con chung: Chị Bùi Thị Â và anh Trần Đình Q thống nhất có 02 con chung là Trần Thị Tuyết N, sinh ngày 04/02/2014 và Trần Đình T, sinh ngày 29/3/2018. Công nhận sự thoả thuận nuôi con và cấp dưỡng nuôi con chung giữa chị Â và anh Q như sau: Giao cháu Trần Thị Tuyết N và Trần Đình T cho anh Q trực tiếp nuôi dưỡng đến đủ tuổi thành niên. Chị Â có trách nhiệm cấp dưỡng nuôi cháu N, cháu T mỗi cháu 1.500.000 đồng/ tháng cho đến khi cháu N, cháu T đủ tuổi thành niên.

Chị Â có quyền đi lại thăm nom, chăm sóc con chung không ai được cản trở.

Vì quyền lợi của các con, hai bên có quyền yêu cầu thay đổi về người trực tiếp nuôi con và cấp dưỡng nuôi con theo quy định của pháp luật.

- Về tài sản chung, công nợ: Chị Bùi Thị Â và anh Trần Đình Q không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- Về án phí: Chị Bùi Thị Ả tự nguyện nhận nộp cả phần án phí cho anh Trần Đình Q. Chị Â phải nộp 150.000 đồng án phí ly hôn và 150.000 đồng án phí cấp dưỡng nuôi con chung, tổng số tiền án phí chị Â phải chịu là 300.000 đồng, được trừ vào số tiền 300.000 đồng tiền tạm ứng án phí đã nộp, theo biên lai số BLTU/25/0000387 ngày 02/6/2025, tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện Cẩm Thuỷ, tỉnh Thanh Hoá.

3. Quyết định này có hiệu lực pháp luật ngay sau khi được ban hành và không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm.

Nơi nhận:
- Các đương sự;
- VKSND khu vực 12 - Thanh Hóa;
- Phòng THADS khu vực 12 – Thanh Hóa;
- Phòng KTNV & THA-TAND tỉnh Thanh Hoá;
- UBND xã Cẩm Vân;
- Lưu: Hồ sơ.

THẨM PHÁN

Vũ Thị Dung